

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
(Kèm theo Quyết định số: #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/8/2023 của UBND huyện Phước Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán								Quyết toán								So sánh (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước			
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8
	TỔNG SỐ	174.345.267.192	78.800.000.000	95.545.267.192	0	95.545.267.192	25.065.586.289	36.390.505.903	34.089.175.000	172.018.058.392	76.906.020.000	95.112.038.392	0	95.112.038.392	25.065.586.289	35.957.277.103	34.089.175.000	98,7	97,6	99,5		99,5	100,0	98,8	100,0
1	Khâm Đức	15.486.391.819	6.713.000.000	8.773.391.819		8.773.391.819	2.525.000.000	5.693.391.819	555.000.000	15.203.411.819	6.430.020.000	8.773.391.819		8.773.391.819	2.525.000.000	5.693.391.819	555.000.000	98,2	95,8	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
2	Phước Đức	12.346.557.752	6.796.000.000	5.550.557.752		5.550.557.752	601.000.000	1.838.057.752	3.111.500.000	12.115.557.752	6.565.000.000	5.550.557.752		5.550.557.752	601.000.000	1.838.057.752	3.111.500.000	98,1	96,6	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
3	Phước Năng	17.833.125.116	6.490.000.000	11.343.125.116		11.343.125.116	3.439.320.939	3.627.304.177	4.276.500.000	17.833.125.116	6.490.000.000	11.343.125.116		11.343.125.116	3.439.320.939	3.627.304.177	4.276.500.000	100,0	100,0	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
4	Phước Mỹ	13.820.714.372	6.490.000.000	7.330.714.372		7.330.714.372	1.587.000.000	2.673.214.372	3.070.500.000	13.590.714.372	6.260.000.000	7.330.714.372		7.330.714.372	1.587.000.000	2.673.214.372	3.070.500.000	98,3	96,5	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
5	Phước Chánh	17.033.870.030	6.780.000.000	10.253.870.030		10.253.870.030	3.199.112.000	3.787.258.030	3.267.500.000	17.033.870.030	6.780.000.000	10.253.870.030		10.253.870.030	3.199.112.000	3.787.258.030	3.267.500.000	100,0	100,0	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
6	Phước Công	14.807.280.218	6.320.000.000	8.487.280.218		8.487.280.218	4.125.257.000	1.247.523.218	3.114.500.000	14.578.280.218	6.091.000.000	8.487.280.218		8.487.280.218	4.125.257.000	1.247.523.218	3.114.500.000	98,5	96,4	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
7	Phước Kim	13.567.234.266	6.472.000.000	7.095.234.266		7.095.234.266	2.251.544.000	1.754.890.266	3.088.800.000	13.567.234.266	6.472.000.000	7.095.234.266		7.095.234.266	2.251.544.000	1.754.890.266	3.088.800.000	100,0	100,0	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
8	Phước Thành	15.980.692.061	6.631.000.000	9.349.692.061		9.349.692.061	754.604.350	5.483.587.711	3.111.500.000	15.334.030.061	6.400.000.000	8.934.030.061		8.934.030.061	754.604.350	5.067.925.711	3.111.500.000	96,0	96,5	95,6		95,6	100,0	92,4	100,0
9	Phước Lộc	15.376.264.275	6.476.000.000	8.900.264.275		8.900.264.275	2.066.150.000	3.463.614.275	3.370.500.000	15.376.264.275	6.476.000.000	8.900.264.275		8.900.264.275	2.066.150.000	3.463.614.275	3.370.500.000	100,0	100,0	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
10	Phước Xuân	11.144.447.436	6.468.000.000	4.676.447.436		4.676.447.436	697.734.000	2.937.838.436	1.040.875.000	10.914.447.436	6.238.000.000	4.676.447.436		4.676.447.436	697.734.000	2.937.838.436	1.040.875.000	97,9	96,4	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
11	Phước Hiệp	15.749.784.926	6.819.000.000	8.930.784.926		8.930.784.926	3.150.000.000	2.769.284.926	3.011.500.000	15.518.784.926	6.588.000.000	8.930.784.926		8.930.784.926	3.150.000.000	2.769.284.926	3.011.500.000	98,5	96,6	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0
12	Phước Hòa	11.198.904.921	6.345.000.000	4.853.904.921		4.853.904.921	668.864.000	1.114.540.921	3.070.500.000	10.952.338.121	6.116.000.000	4.836.338.121		4.836.338.121	668.864.000	1.096.974.121	3.070.500.000	97,8	96,4	99,6		99,6	100,0	98,4	100,0